

Bản án số: 684/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 12 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Ông Phạm Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 380/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 791/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình V, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Số CCCD: 004093000811

Thường trú: Tổ 4, xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Cư trú: 77 Nhất Chi Mai, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đàm Thị Thu H, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Số CCCD: 011194001445

Thường trú: Tổ D, xã T, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: G N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Đình V trình bày:

Ông và bà Đàm Thị Thu H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Cao Bằng, ngày 09/9/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 04/2025 đến nay hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, bất đồng quan điểm sống và lối sống khác nhau nên đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2022, ông đồng ý giao con chung cho bà Đàm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 đồng, từ tháng 12/2025 đến khi con trưởng thành và thanh toán học phí theo thực tế từng năm học cho con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Đàm Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Trần Đình Văn tự N chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Cao Bằng, ngày 09/9/2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống bắt đầu xảy ra một vài mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm. Đầu năm 2025, bà phát hiện ông V có nhiều mối quan hệ ngoài luồng dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã trầm trọng. Hai bên gia đình khuyên bảo và hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, vì con còn nhỏ muốn giữ gia đình cho con để nuôi dạy con nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn do con còn nhỏ.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2022, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như ông V trình bày.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình V yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là bà Đàm Thị Thu H cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 33 cấp ngày 09/9/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Cao Bằng, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đình V và bà Đàm Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của ông V và bà H, quá trình chung sống vợ chồng cùng xác định giữa hai người xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và tình cảm. Vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, nói chuyện với nhau và đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay mỗi người ở mỗi nơi.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2025, bà H đồng ý ly hôn nhưng ngày 28/11/2025 bà H thay đổi lời khai không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung mặc dù vợ chồng hiện nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chia sẻ cùng nhau.

Xét, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy thực tế cuộc sống hôn nhân của hai người đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau. Bà H cho rằng bà không muốn ly hôn vì con còn nhỏ để cả hai nuôi dạy con nhưng ông V vẫn kiên quyết ly hôn vì giữa hai người không còn tình cảm, không nói chuyện được với nhau, không có trách nhiệm cùng nhau vun đắp cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn như cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Do đó, mục đích của việc xác lập hôn nhân là sự tự nguyện nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2022, hai người đều thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông V cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 (Sáu triệu đồng), bắt đầu từ tháng 12/2025 cho đến khi trẻ thành niên và thanh toán học phí riêng cho con chung theo thực tế từng năm học, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình V được ly hôn với bà Đàm Thị Thu H.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Gia H1, sinh ngày 02/8/2022, cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông V cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 (Sáu triệu đồng), bắt đầu từ tháng 12/2025 cho đến khi trẻ thành niên và thanh toán học phí riêng cho con chung theo thực tế từng năm học.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người

trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), ông Văn C nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022445 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông V nộp đủ tiền án phí dân sự về hôn nhân gia đình sơ thẩm.

* Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), ông V phải chịu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV4, TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan